TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Tỵ

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Đội 6, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; *Vắng mặt*.

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Thọ H**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: đường C, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên lạc: đường C, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Đỗ Thọ H chung sống với nhau từ năm 2001, đến năm 2005 thì cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 22/8/2005. Cuộc sống chung vợ chồng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống ngày càng nhiều nên việc gây gỗ, tranh cải

và xúc phạm lẫn nhau trở nên thường xuyên hơn, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2012, mỗi người sống một nơi, bà đã về Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống từ nhiều năm nay, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống; bà xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 16/5/2002. Hiện con chung đang ở với ông H, ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Sau khi Tòa án ban hành quyết định xét xử thì ông H đã đến Tòa trình bày: Việc bà T xin ly hôn ông có biết nhưng ông để một mình bà T ly hôn, ông không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến vì ông theo đạo Thiên Chúa, hiện ông và bà T đã sống ly thân từ lâu. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 16/5/2002; không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà T ly hôn với ông H vì mục đích hôn nhân không đạt. Giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Thọ H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông H có nơi cư trú tại phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy thực tế qua xác minh người thân của vợ chồng bà T ông H thì cả hai đã sống ly thân từ cuối năm 2012, bà T về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống đến nay, ông H và con gái thì sống tại Bảo Lộc; bà T ông H không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Như vậy, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà T và ông H đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4]. Vợ chồng thỏa thuận giao con chung tên Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 16/5/2002 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Xét sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Bà T, ông H xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có nên không đề cập.

[6]. Về chi phí tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án thông báo cho ông H trên phương tiện thông tin đại chúng về việc ly hôn; đồng thời đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Theo quy định khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự bà T phải chịu chi phí thông báo. Bà T đã được quyết toán theo quy định của pháp luật và không có ý kiến gì về chi phí tố tụng này.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Đỗ Thọ H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 16/5/2002 cho ông Đỗ Thọ H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002071 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND Phường 2, TP. Bảo Lộc, tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc